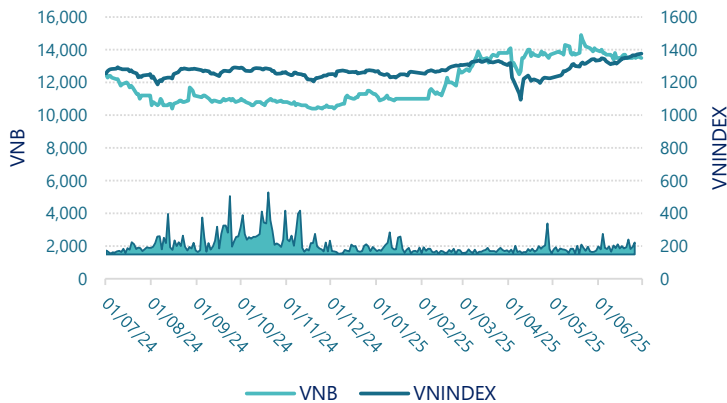




CTCP Sách Việt Nam (UPCOM: VNB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,400
SL cổ phiếu LH	67,894,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,475
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	917
P/E	11.2
EPS	1,210

DT thuần

Q2/25

7.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.05 | 16.3%

YoY: ▲ 0.04 | 0.5%

LN sau thuế

Q2/25

21.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.60 | 2.9%

YoY: ▲ 4.70 | 28.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

359%

+/- YoY: ▲ 77.4%

DT thuần

6T 2025

13.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 0.80 | -5.6%

LN sau thuế

6T 2025

42.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00 | 20.1%

ROE

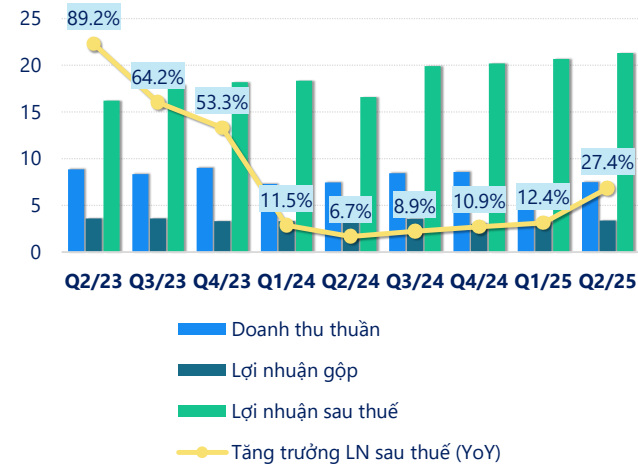
Q2/25

7.4%

+/- YoY: ▲ 0.5%

tỷ VNĐ

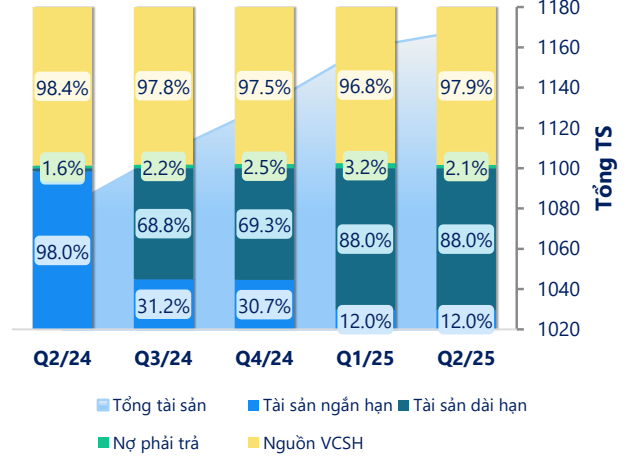
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

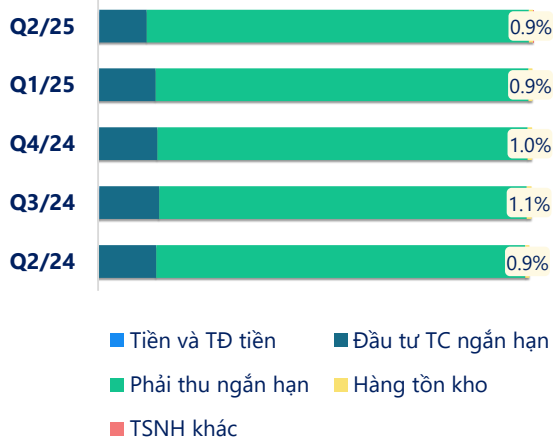
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



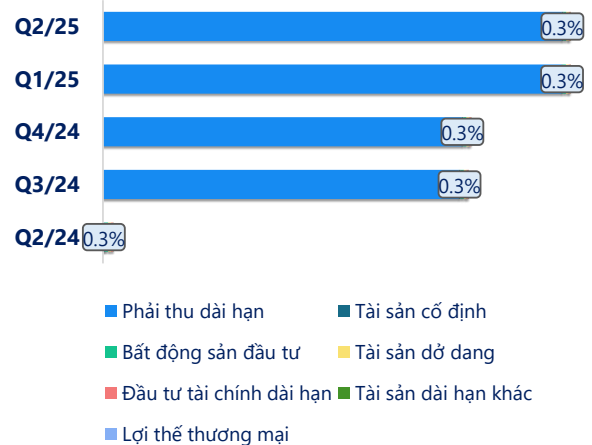
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

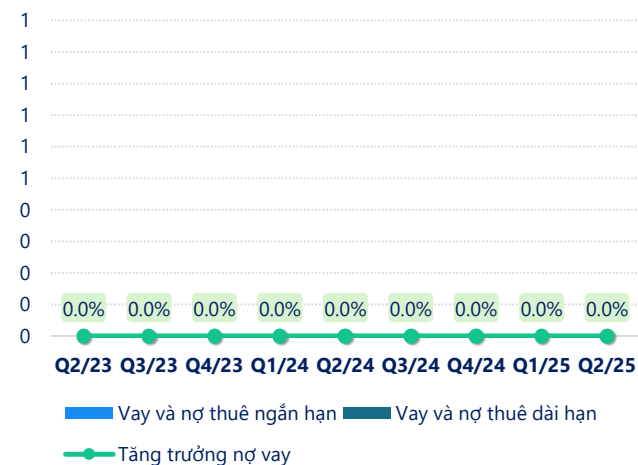
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

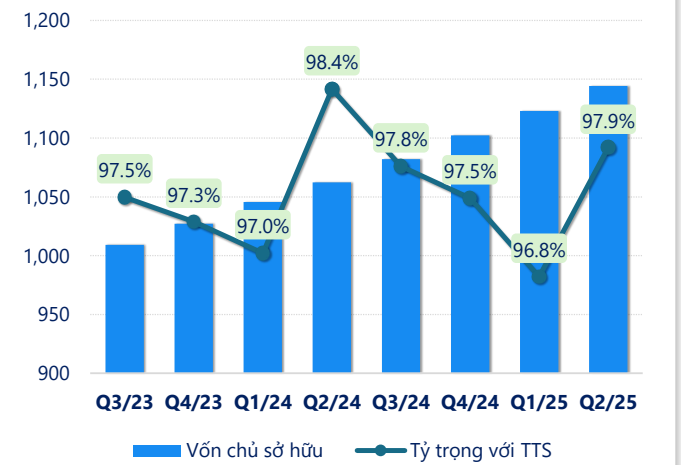
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

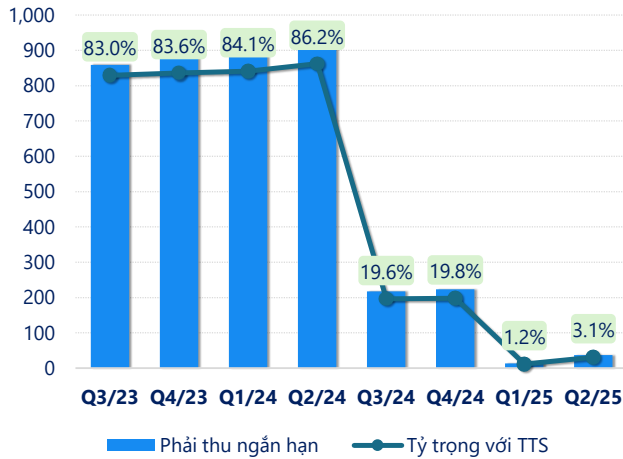
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



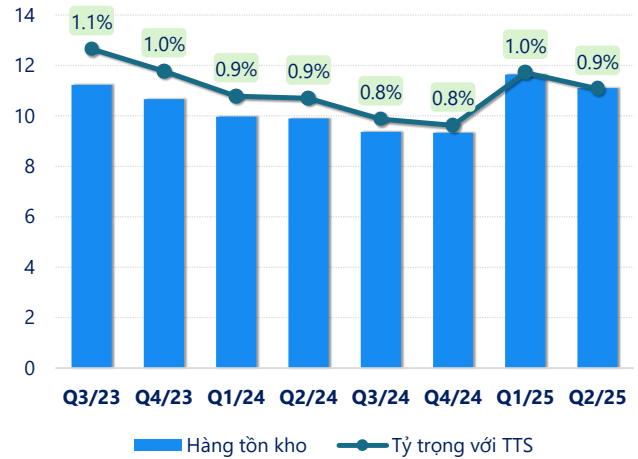
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


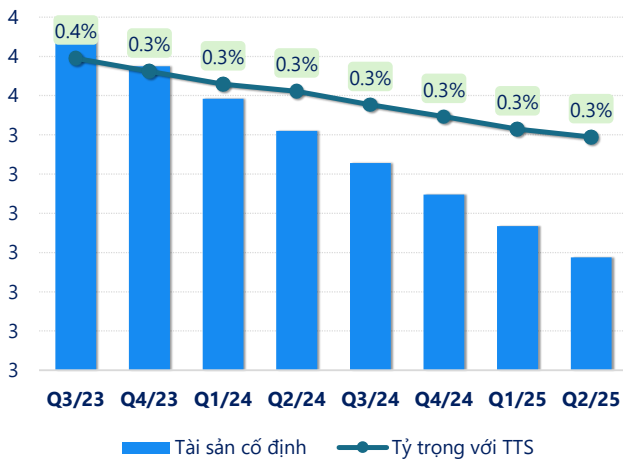
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


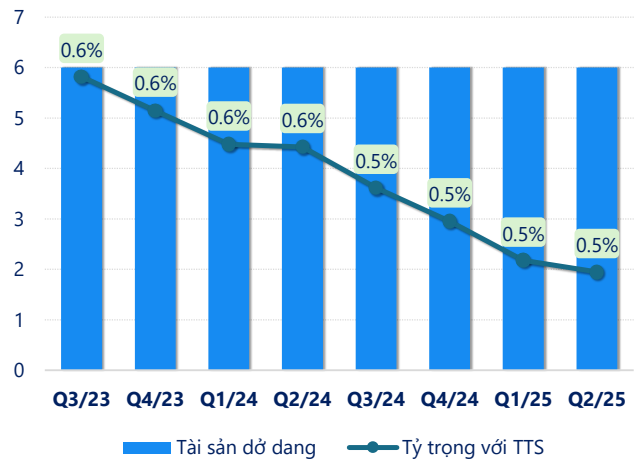
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

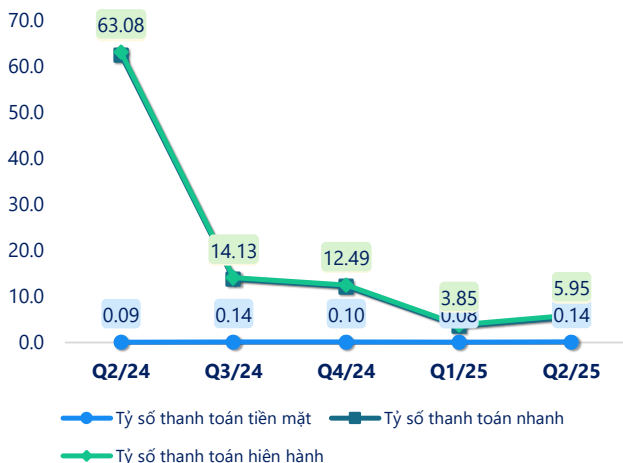
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

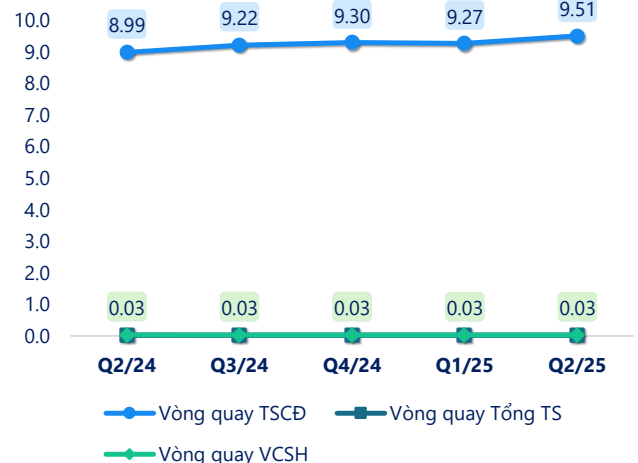
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,079	1,107	1,131	1,160	1,169
Tài sản ngắn hạn	1,058	345	347	139	140
Tiền và tương đương tiền	1.59	3.32	2.80	2.84	3.40
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116	116	112	112	89.0
Phải thu ngắn hạn	931	217	224	13.4	36.6
Hàng tồn kho	9.90	9.37	9.33	11.6	11.1
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	21.6	762	784	1,020	1,029
Phải thu dài hạn	0.14	741	763	1,000	1,008
Tài sản cố định	3.41	3.33	3.25	3.17	3.09
Bất động sản đầu tư	7.30	7.12	6.95	6.78	6.61
Tài sản dở dang	6.00	6.00	6.00	6.00	6.00
Đầu tư tài chính dài hạn	4.32	4.32	4.32	4.32	4.32
Tài sản dài hạn khác	0.42	0.38	0.43	0.40	0.42
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	17.1	24.8	28.4	36.9	24.3
Nợ ngắn hạn	16.8	24.4	27.8	36.2	23.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	5.04	5.46	5.80	7.09	4.97
Nợ dài hạn	0.33	0.36	0.60	0.62	0.80
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,062	1,082	1,102	1,123	1,144
Vốn chủ sở hữu	1,062	1,082	1,102	1,123	1,144
Vốn điều lệ	679	679	679	679	679
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)